

Số: 957/2020/QĐST-HNGĐ

Thuận An, ngày 10 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1384/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Võ Văn C, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã T, huyện U, tỉnh K; tạm trú: Số C1013, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B.

Bà Lê Thị H, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã T, huyện U, tỉnh K; tạm trú: Số C1013, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn C và bà Lê Thị H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 16/5/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông Võ Văn C và bà Lê Thị H thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Võ Văn C và bà Lê Thị H có 01 người con chung tên Võ Thị Lan A, sinh ngày 12/9/2016. Sau khi ly hôn, ông Võ Văn C và bà Lê

Thị H thỏa thuận, bà Lê Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Võ Thị Lan Anh, sinh ngày 12/9/2016.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Văn C cấp dưỡng nuôi con 1.200.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Văn C và bà Lê Thị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Võ Văn C và bà Lê Thị H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn C và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà Lê Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Võ Thị Lan A, sinh ngày 12/9/2016.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Văn C cấp dưỡng nuôi con 1.200.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm trả còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Võ Văn C và bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053242

ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Phòng Tư pháp thành phố Thuận An;
- UBND xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 16/5/2016;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc